TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09-9-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Huệ và bà Đoàn Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1991; CCCD số X; địa chỉ: Thôn 01, xã T, tỉnh Lâm Đồng – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- Bị đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1993; CCCD số Y; địa chỉ: Thôn 01, xã T, tỉnh Lâm Đồng – *Được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04-6-2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:

Anh và chị Lương Thị T đăng ký kết hôn ngày 03-6-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông (*nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng*) trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung gồm cháu Trần Minh Đ (*sinh ngày 12-10-2015*), cháu Trần Nhật N (*sinh ngày 29-9-2017*) và cháu Trần Thị Thùy

Tr (*sinh ngày 28-6-2019*). Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung đến tuổi thành niên; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn chị Lương Thị T để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng chị T đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H được ly hôn với chị Lương Thị T.

- Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Trần Minh Đ (*sinh ngày 12-10-2015*), cháu Trần Nhật N (*sinh ngày 29-9-2017*) và cháu Trần Thị Thùy Tr (*sinh ngày 28-6-2019*) cho anh Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

- Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại thôn 01, xã T, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án

là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[1.3]. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh H và chị T đăng ký kết hôn ngày 03-6-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông (*nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng*) trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị T nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng chị T đều vắng mặt; anh H xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau nên không thể hòa giải đoàn tụ và cương quyết ly hôn; tại văn bản ghi nhận ý kiến của các con chung, cháu Đ, cháu N và cháu Tr đều trình bày bố mẹ các cháu thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hiện nay bố mẹ không còn chung sống với nhau. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh H và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H về việc ly hôn với chị T.

[2.2]. Về con chung:

[2.2.1]. Anh H xác định anh và chị T có 03 con chung gồm cháu Trần Minh Đ (*sinh ngày 12-10-2015*), cháu Trần Nhật N (*sinh ngày 29-9-2017*) và cháu Trần Thị Thùy Tr (*sinh ngày 28-6-2019*). Khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung đến tuổi thành niên.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại văn bản ghi nhận ý kiến ngày 03-7-2026, cháu Đ, cháu N và cháu Tr đều trình bày sau khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của các cháu là được sống với bố. Quá trình giải quyết vụ án, chị T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T về việc có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con hay không. Mặt khác, từ sau khi anh H và chị T ly thân đến nay thì 03 con chung đều sống với anh H và được anh H nuôi dạy tốt. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của các con chung, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống và giáo dục gây ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu, đồng thời cũng tôn trọng nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đ,

cháu N và cháu Tr cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp.

[2.2.2]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*); áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H:

1.1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn H được ly hôn với chị Lương Thị T.

1.2. Về con chung:

1.2.1. Giao 03 con chung gồm cháu Trần Minh Đ (*sinh ngày 12-10-2015*), cháu Trần Nhật N (*sinh ngày 29-9-2017*) và cháu Trần Thị Thùy Tr (*sinh ngày 28-6-2019*) cho anh Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng

các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.2.2. Anh Trần Văn H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 107, 110 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Z ngày 10-6-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- UBND xã T, tỉnh Lâm Đồng (*đăng ký số 25/2015 ngày 03-6-2015 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông cũ*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TAND KHU VỰC 7

ZJI090926.TL.QDBA
1796

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Trang